

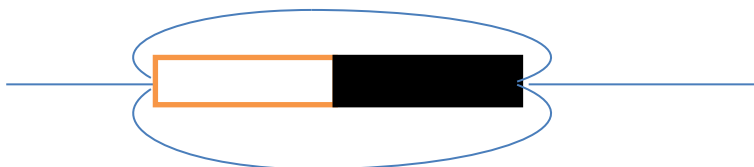
HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO ĐÂY.



Câu 4:(2,0 điểm)

a.Nêu tác dụng từ của nam châm và chiều đường sức từ của nam châm.

b.Hãy xác định chiều đường sức từ của nam châm trong hình sau:



HẾT.

[illegible]

.....

.....

.....

.....

HÊT.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ CHÍ QUỐC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2023 - 2024 MÔN: VẬT LÝ – KHỐI: 9 Ngày kiểm tra: 20/12/2023 Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian phát đề) HỌ TÊN HỌC SINH: LỚP:	Chữ ký giám thị 1		Chữ ký giám thị 2	
	SỐ BẢO DANH	SỐ PHÁCH (Do CTHĐ ghi)	SỐ THỨ TỰ (Do Giám thị ghi)	

✂.

Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Chữ ký giám khảo 1	Chữ ký giám khảo 2	SỐ PHÁCH (Do CTHĐ ghi)	SỐ THỨ TỰ (Do Giám thị ghi)

ĐỀ CHÍNH THỨC Đề này gồm 02 trang

Câu 1 (3,0 điểm)

Chọn các từ và số trong ngoặc của mỗi câu để điền vào chỗ trống của câu đó.

- a) của dây dẫn tỉ lệ thuận với.....của dây, tỉ lệ nghịch với tiết diện của dây và phụ thuộc vào vật liệu làm dây. (**Điện trở, độ dài**)
- b) Đoạn mạch gồm hai điện trở $R_1 = 2\Omega$ và $R_2 = 3\Omega$ mắc nối tiếp thì điện trở tương đương của đoạn mạch là : $R_{td} = R_1 + R_2 = 2 + \dots\dots\dots = \dots\dots\dots\Omega$. (**3, 5**)

Câu 2 (3,0 điểm)

- a) Điện trở được kí hiệu bằng chữ cái nào?

.....

.....

- b) Đơn vị của điện trở là gì?

.....

.....

Câu 3 (2,0 điểm)

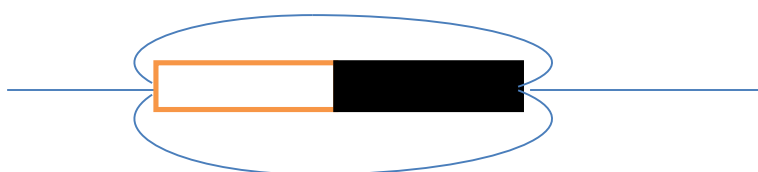
- a) Đối với nam châm, các đường sức từ có chiều quy ước như thế nào? (đường sức từ đi ra từ cực nào và đi vào cực nào của nam châm)?

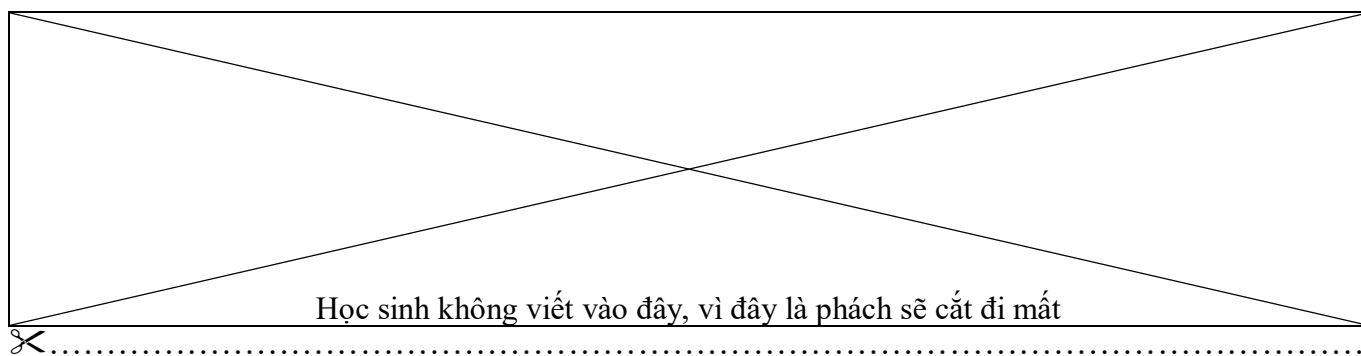
.....

.....

.....

- b. Hãy xác định chiều đường sức từ của nam châm trong hình sau:





Câu 4 (2,0 điểm)

Một bếp điện khi hoạt động bình thường có điện trở $R = 80\Omega$ và cường độ dòng điện là 2,5A.

a) Tính nhiệt lượng mà bếp tỏa ra trong 1800 giây.

b) Nếu mỗi ngày sử dụng bếp để nấu ăn trong 1800 giây thì tiền điện phải trả trong 1 tháng (30 ngày) là bao nhiêu? Biết giá tiền điện là 1800đ/1kW.h.

Tóm tắt

$$R = 80\Omega$$

$$I = 2,5A.$$

$$t = 1800 \text{ s}$$

$$1\text{kWh} = 1800 \text{ đồng}$$

a) $Q = ? \text{ J}$

b) Tiền điện = ? đồng

Giải

HẾT

ĐỀ CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
1 (3,0 điểm)	a) Định luật Ohm b) – $R_{td} = R_1 + R_2 = 20 + 40 = 60 (\Omega)$ – $I = U : R_{td} = 12 : 60 = 0,2 (A)$	1,0đ 1,0đ 1,0đ
2 (2,0 điểm)	a) $U = I . R = 40.1,5 = 60 (V)$ b) $R = \frac{\rho . l}{S} \Rightarrow l = \frac{R.S}{\rho} = 40.0,2 \times 10^{-6} : 0,4 \times 10^{-6} = 20m$	1,0đ 1,0đ
3 (3,0 điểm)	a) 220V là hiệu điện thế định mức, 1600W là công suất định mức. b) $R = U^2 : \mathcal{P} = 220^2 : 1600 = 30,25 (\Omega)$ – $I = U : R = 220 : 30,25 = 7,3 (A)$ c) $Q_{thu} = m.c.(t_2 - t_1) = 2.4200.(100 - 20) = 672000(J)$ $Q_{tỏa} = Q_{thu} . 100 : H = 672000.100 : 80 = 840000(J)$ $t = Q_{tỏa} : \mathcal{P} = 840000 : 1600 = 525 (s)$	1,0đ 1,0đ 1,0đ
4 (2,0 điểm)	a)- Nam châm hút được vật bằng sắt, thép và làm quay kim nam châm – Ra khỏi cực Bắc (N) và đi vào cực Nam (S) của nam châm b) Vẽ đúng chiều	0,5đ 0,5đ 1,0đ

Lưu ý:

- Sai hoặc thiếu đơn vị - 0.25đ. Trừ tối đa 0.25đ cho cả bài.
- Học sinh có thể làm cách khác nếu đúng giáo viên dựa vào thang điểm cho điểm.

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
1 (3,0 điểm)	a) Định luật Ohm b) – $R_{td} = R_1 + R_2 = 10 + 20 = 30 (\Omega)$ – $I = U : R_{td} = 6 : 30 = 0,2 (A)$	1,0đ 1,0đ 1,0đ
2 (2,0 điểm)	a) $U = I . R = 50.1,5 = 75 (V)$ b) $R = \frac{\rho . l}{S} \Rightarrow l = \frac{R.S}{\rho} = 50.0,5 \times 10^{-6} : 0,4 \times 10^{-6} = 62,5(\Omega)$	1,0đ 1,0đ
3 (3,0 điểm)	a) 220V là hiệu điện thế định mức, 1600W là công suất định mức. b) $R = U^2 : \mathcal{P} = 220^2 : 2000 = 24,2 (\Omega)$ – $I = U : R = 220 : 24,2 = 9,1 (A)$ c) $Q_{thu} = m.c.(t_2 - t_1) = 3.4200.(100 - 20) = 1008000(J)$ $Q_{tỏa} = Q_{thu} . 100 : H = 1008000.100 : 75 = 13440000(J)$ $t = Q_{tỏa} : \mathcal{P} = 13440000 : 2000 = 672 (s)$	1,0đ 1,0đ 1,0đ
4 (2,0 điểm)	a)- Nam châm hút được vật bằng sắt, thép và làm quay kim nam châm nên nam châm – Ra khỏi cực Bắc (N) và đi vào cực Nam (S) của nam châm b) Vẽ đúng chiều	0,5đ 0,5đ 1,0đ

Lưu ý:

- Sai hoặc thiếu đơn vị - 0.25đ. Trừ tối đa 0.25đ cho cả bài.
- Học sinh có thể làm cách khác nếu đúng giáo viên dựa vào thang điểm cho điểm.

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
1 (3,0 điểm)	a) Điện trở; độ dài b) 3; 5	1,0đ x 2 0,5đx2
2 (3,0 điểm)	a) R b) Ω	1,5đ 1,5đ
3 (2,0 điểm)	a) Đường sức từ đi ra từ cực bắc, đi vào ở cực nam. b) Vẽ đúng chiều	1.0đ 1,0đ
4 (2,0 điểm)	a) nhiệt lượng tỏa ra: $Q_{tỏa} = I^2.R.t = 2,5^2.80.1800 = 900\ 000\ J$ b) - Điện năng tiêu thụ trong 1 tháng: $A = P.t = I^2.R.t = 2,5^2.80.1800.30 = 27\ 000\ 000J = 7,5kw.h$ - Tiền điện phải trả trong 1 tháng là: $7,5.1800 = 13\ 500\ \text{đồng}$	1,0đ 0,5đ 0,5đ

Lưu ý:

- Sai hoặc thiếu đơn vị - 0.25đ. Trừ tối đa 0.25đ cho cả bài.
- Học sinh có thể làm cách khác nếu đúng giáo viên dựa vào thang điểm cho điểm.

HẾT

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 VẬT LÝ 9

Stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC				Tổng số câu	Điểm
			NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO		
			Câu tự luận	Câu tự luận	Câu tự luận	Câu tự luận		
1	Điện trở của dây dẫn. Định luật Ôm	1.1 Điện trở của dây dẫn - Định luật ôm.	0,5				0,5	1
		1.2 Đoạn mạch nối tiếp - Đoạn mạch song song			0,5		0,5	2
		1.3 Sự phụ thuộc của điện trở vào chiều dài, tiết diện vật liệu làm dây dẫn - Biến trở		0,5	0,5		1	2
2	Công và công suất của dòng điện. Định luật Joule - Lenz	2.1 Công suất điện - Điện năng - Công của dòng điện.	0,5				0,5	2
		2.2 Định luật Joule - Lenz				0,5	0,5	1

3	Từ trường	3.1 Tác dụng từ của nam châm - của dòng điện	0,5				0,5	1
		3.2. Từ trường		0,5			0,5	1
		3.3 Nam châm điện						
Tổng			1,5	1	1	0,5	6	
Tỉ lệ			40%	30%	20%	10%	100%	
Tổng điểm			4,0	3,0	2,0	1,0	10	